

Số: /QĐ-KCN

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500**
Dự án Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp
Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (lần 1)

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BẮC GIANG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều luật xây dựng 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính Phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây Dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, mã số QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy

định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng điều chỉnh, mở rộng KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 04/05/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-KCN ngày 28/02/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 1166/SXD-QKKT ngày 15/5/2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến đồ án Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500);

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9821409028 thay đổi lần thứ 5 ngày 09/02/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp cho nhà đầu tư Công ty FOXCONN SINGAPORE PTE LTD;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Fukang Technology tại Tờ trình số 1005/2023 ngày 10/05/2023 về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (lần 1) và Báo cáo thẩm định của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (lần 1), bao gồm các nội dung sau:

1. Lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh.

Dự án Nhà máy Fukang Technology đã được Ban Quản lý các KCN duyệt phê duyệt đề án Điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 12/QĐ-KCN ngày 28/02/2023.

Đề án về cơ bản đã đảm bảo về nhu cầu tầng cao và mật độ xây dựng để thực hiện dự án, tuy nhiên để đáp ứng việc mở rộng sản xuất kinh doanh và yêu cầu cải tiến quy trình kỹ thuật, nên cần phải điều chỉnh một số chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng để đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả sản xuất nhưng vẫn phải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn và tuân thủ theo đúng quy hoạch phân khu KCN Quang Châu được phê duyệt.

Do vậy, việc lập Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Nhà máy Fukang Technology tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là cần thiết.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

- Vị trí khu đất: Nằm tại lô I+J, Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Ranh giới, phạm vi lập quy hoạch cụ thể như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp đường giao thông với mặt cắt đường 34,0m và dải cây xanh có ký hiệu là CX-4;

+ Phía Đông giáp đường giao thông với mặt cắt đường 22,5m và lô nhà xưởng có ký hiệu L;

+ Phía Nam giáp đường giao thông với mặt cắt đường 22,5m và các lô nhà xưởng có ký hiệu H, K;

+ Phía Tây giáp dải cây xanh cách ly của tuyến đường QL1A mới.

- Quy mô đề án: Quy mô lập quy hoạch chi tiết là 394.472 m². Trong đó:

+ Diện tích quy hoạch lô I là: 223.775 m².

+ Diện tích quy hoạch lô J là: 170.697 m².

- Nguồn lao động: Bao gồm công nhân, cán bộ, chuyên gia, và quản lý trong và ngoài nước. Số lao động dự kiến 13.500 người.

3. Tính chất:

- Là nhà máy điện tử với dây chuyền công nghệ hiện đại, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thân thiện với môi trường. Khớp nối đồng bộ với hạ tầng tổng thể của khu công nghiệp Quang Châu, tuân thủ theo các tiêu chuẩn hiện hành.

- Sản xuất gia công thiết bị di động, máy tính bảng, máy tính xách tay, loa

thông minh, các linh kiện của máy tính, các bo mạch chủ của loa, thiết bị đầu cuối thanh toán di động.

4. Các chỉ tiêu kỹ thuật:

- + Tầng cao công trình 1-6 tầng, chiều cao tối đa <45m;
- + Tiêu chuẩn cấp nước $\geq 22\text{m}^3/\text{ha}$;
- + Tiêu chuẩn cấp điện $\geq 200\text{ kW}/\text{ha}$;

5. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng tổ chức không gian, cảnh quan:

5.1. Phân khu chức năng sử dụng đất:

- Đất xây dựng công trình: Nhà xưởng, nhà ăn, nhà để xe, nhà kho, nhà rác, nhà bảo vệ, nhà phụ trợ...
- Đất cây xanh: Đất cây xanh, cảnh quan khu vực trong nhà máy;
- Đất giao thông: Đường giao thông, sân, bãi đỗ xe;
- Đất hạ tầng kỹ thuật: Đất trạm xử lý nước thải, trạm bơm, bể ngầm...

5.2. Quy hoạch sử dụng đất: Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, cảnh quan, quỹ đất xây dựng và đầu tư các công trình hạ tầng trong khu đất lập quy hoạch; tổng hợp cơ cấu sử dụng đất, như sau:

- Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng	QĐ số 12/QĐ-KCN ngày 28/02/2023		Theo đồ án điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng diện tích đất	394.472	100,00	394.472	100,00
2	Đất xây dựng công trình	238.608	60,49	236.444	59,94
	Nhà xưởng+ kho	171.722	43,53	182.140	46,17
	Các công trình phụ trợ	54.412	13,80	44.264	11,22
	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	12.474	3,16	10.040	2,55
3	Đất cây xanh	81.401	20,63	83.528	21,20
4	Đất sân đường giao thông, bãi đỗ	74.463	18,88	74.500	18,86

- Tổng hợp các công trình xây dựng:

STT	Chức năng	Ký hiệu	Số tầng	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT			394.472	1.034.242
I	CÁC NHÀ XƯỞNG, KHO			182.140	825.719
1	CÁC NHÀ XƯỞNG, KHO LÔ I			106.859	344.603
1.1	Nhà xưởng	I01	2	14.833	29.915
1.2	Nhà xưởng	I02	2	14.833	29.915
1.3	Nhà xưởng	I03	2	14.833	29.915
1.4	Nhà xưởng	I04	2	14.833	29.915
1.5	Nhà xưởng	I05	2	14.833	29.915
1.6	Nhà xưởng	I06	6	14.833	96.000
1.7	Nhà xưởng	I07	6	14.833	96.000
1.8	Kho chứa CTR CN thông thường	I32	1	2.443	2.443
1.9	Kho hóa chất, chất thải nguy hại	I33	1	585	585
2	CÁC NHÀ XƯỞNG, KHO LÔ J			75.281	481.116
2.1	Nhà xưởng	J01	6	14.833	96.000
2.2	Nhà xưởng	J02	6	14.833	96.000
2.3	Nhà xưởng	J03	6	14.833	96.000
2.4	Nhà xưởng	J04	6	14.833	96.000
2.5	Nhà xưởng	J05	6	14.833	96.000
2.6	Kho hóa chất	J34	1	702	702
2.7	Kho hóa chất	J35	1	414	414
II	CÁC CHỨC NĂNG PHỤ TRỢ			44.264	180.962
1	CÁC CHỨC NĂNG PHỤ TRỢ LÔ I			24.000	61.060
1.1	Trung tâm đổi thẻ	I35A	1	298	298
1.2	Nhà phụ trợ	I02A	2	5.235	10.625
1.3	Nhà phụ trợ	I03A	2	5.235	10.625
1.4	Nhà ăn + nhà xe	I22A	3	8.730	26.190
1.5	Nhà ăn + nhà xe	I22B	3	4.410	13.230
1.6	Công+ nhà bảo vệ	I36	1	92	92
2	CÁC CHỨC NĂNG PHỤ TRỢ LÔ J			20.264	119.902
2.1	Nhà phụ trợ	J02A	6	5.148	30.888

STT	Chức năng	Ký hiệu	Số tầng	Diện tích (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)
2.2	Nhà ăn + nhà xe	J21A	6	4.170	26.700
2.3	Nhà ăn + nhà xe	J21B	6	6.682	43.000
2.4	Nhà phụ trợ	J31	6	3.010	18.060
2.5	Nhà phụ trợ	J32	1	1.152	1.152
2.6	Cổng, Nhà bảo vệ (5 cổng)	J36	1	102	102
III	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT			10.040	15.140
1	Trạm xử lý nước thải	I34	2	2.546	2.546
2	Bể nước ngầm, trạm bơm	I35	1	2.209	2.209
3	Bệ đặt thiết bị khí nito	I01A	1	161	161
4	Trạm xử lý nước thải	J33	2	5.100	10.200
5	Trạm bơm dầu (bồn chứa dầu ngầm)	I37A	1	12	12
6	Trạm bơm dầu (bồn chứa dầu ngầm)	I37B	1	12	12
IV	Đất cây xanh			83.528	
V	Đất sân đường giao thông, bãi đỗ xe			74.500	
VI	Hành lang cầu		1-6		12.421
Bố trí hệ thống hành lang cầu dành cho các hoạt động đi bộ của công nhân và chuyên gia để liên kết các khối nhà, đảm bảo sự thuận tiện và an toàn. Hành lang bố trí từ tầng 2 của các khối nhà, với diện tích: 4.890 m ²					

5.3. Định hướng tổ chức không gian, cảnh quan

- Tổ chức trục giao thông chính giữa dự án có cổng kết nối chính phía Nam, là trục đường dành cho xuất nhập hàng; xung quanh các khu nhà xưởng được bố trí các tuyến đường nội bộ kết nối các khu nhà xưởng và nhà phụ trợ, các tuyến đường giao thông đảm bảo bề rộng cho xe chữa cháy hoạt động.

- Công trình Nhà xưởng, kho và các hạng mục phụ trợ được bố trí ở vị trí phù hợp, đảm bảo các yêu cầu dây chuyền sản xuất, quy mô diện tích, môi trường, cảnh quan, phòng chống cháy và phải được liên hệ thuận tiện với nhau bằng hệ thống giao thông hợp lý và an toàn. Các công trình được thiết kế đảm bảo mỹ quan, phù hợp với dây chuyền sản xuất.

- Khuôn viên, cây xanh được bố trí tập trung tại một số khu vực trước cửa khu văn phòng, nhà xưởng và được bố trí phân tán bao quanh các tuyến đường dạo; cây xanh được trồng cây tán lá rộng tại các khu vực cây xanh tập trung để tạo bóng mát và hệ thống cây xanh quanh đường trồng thảm cỏ, tiểu cảnh... để tạo không gian,

mỹ quan khu vực.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Phía Tây dự án giáp đường gom KCN.

+ Phía Bắc giáp đường nội bộ KCN có quy mô mặt cắt 34,0m.

+ Đông và Nam giáp đường nội bộ KCN có quy mô mặt cắt 22,5m.

- Giao thông đối nội (đường nội bộ trong nhà máy):

+ *Các mặt cắt không điều chỉnh:*

Mặt cắt 1-1; 1A-1A; 1B-1B; 1D-1D: Chỉ giới đường đỏ 8m, trong đó lòng đường 2x4m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 1C-1C; 5-5: Chỉ giới đường đỏ 6m; trong đó lòng đường 2x3m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 6-6: Chỉ giới đường đỏ 6m; trong đó lòng đường 2x3m; phần đường đi bộ nằm ngoài chỉ giới có bề rộng 3m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 8-8: Chỉ giới đường đỏ 6m, trong đó lòng đường 2x3m; hai bên là dải cây xanh và bãi đỗ xe có bề rộng 6m.

+ *Các mặt cắt điều chỉnh và phát sinh mới:*

Mặt cắt 2-2: Chỉ giới đường đỏ 10m; trong đó lòng đường 2x5m; bãi cập hàng nằm ngoài chỉ giới rộng 25m phía còn lại là dải cây xanh.

Mặt cắt 3-3: Chỉ giới đường đỏ 28,5-35,5m; trong đó lòng đường 2x5,25m dải trồng cỏ 2x2-2x6.5m và phần đường đi bộ 2x6m; Hai bên chỉ giới là dải cây xanh.

Mặt cắt 4-4: Chỉ giới đường đỏ 19,5m; trong đó lòng đường 2x9,75m; hai bên là bãi cỏ hoặc sân cập hàng nằm ngoài chỉ giới có bề rộng 2x8m.

Mặt cắt 7-7: Chỉ giới đường đỏ 19m; trong đó lòng đường 5+14m; hai bên là bãi cỏ hoặc sân cập hàng nằm ngoài chỉ giới có bề rộng 2,80-4.68m+8,6m.

Mặt cắt 9A-9A: Chỉ giới đường đỏ 10m; trong đó lòng đường 2x5m; bãi cập hàng nằm ngoài chỉ giới rộng 23,5m phía còn lại là dải cây xanh.

Mặt cắt 9B-9B: Chỉ giới đường đỏ 10m; trong đó lòng đường 2x5m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 10A-10A; 10B-10B : Chỉ giới đường đỏ 8m; trong đó lòng đường 2x4m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 11-11: Chỉ giới đường đỏ 7m; trong đó lòng đường 2x3,5m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 12-12;13-13 : Chỉ giới đường đỏ 6m; trong đó lòng đường 2x3m; hai bên là dải cây xanh.

Mặt cắt 14-14 : Chỉ giới đường đỏ 4m; trong đó lòng đường 2x2m; hai bên là

dải cây xanh.

6.2. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

- San nền: Phù hợp với cao độ tuyến trục giao thông Khu Công nghiệp Quang Châu; tìm đường trong nhà máy có cao độ từ +4.30m đến +5.50m cao hơn cao độ đường ngoài khu công nghiệp (cao độ đường bên ngoài +4.20); các lô đất xây dựng được san nền và không chế cao độ hoàn thiện cao hơn cốt đường để đảm bảo thoát nước, tránh ngập úng.

- Thoát nước mưa:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, hoạt động theo chế độ tự chảy, độ dốc tối thiểu 1/D để giảm chiều sâu chôn cống.

+ Bố trí các cống thoát nước mưa có kích thước D600-D1200 và rãnh B600-B800 dọc các trục đường giao thông.

+ Nước mưa các khu vực được thu gom tuần tự từ hệ thống ống thoát nước công trình ra các tuyến công nhánh (trong các nhà xưởng sản xuất), sau đó thoát vào các tuyến chính để đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa bên ngoài hiện có bao quanh dự án. Mạng lưới thoát nước mưa được đầu nối ra ngoài dự án tại 8 vị trí đầu nối phù hợp đảm bảo về khẩu độ và cao độ.

+ Độ sâu chôn cống: Đối với cống tròn đặt trên vỉa hè, khoảng cách đứng từ mặt hè đến đỉnh cống lớn hơn hoặc bằng 0,3 m; đối với cống đặt dưới lòng đường, khoảng cách đứng từ mặt đường đến đỉnh cống phải lớn hơn chiều dày kết cấu áo đường $\geq 0,5\text{m}$.

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nước sạch cấp vào lô I được lấy từ đường ống cấp nước D300 trên đường D6-1 phía Nam dự án.

- Nước sạch cấp vào lô J được lấy từ đường ống cấp nước D160 trên đường N2-6 phía Đông Nam dự án.

- Nước từ đường ống KCN Quang Châu chảy về bể chứa trong từng khu vực lô I và lô J và được bơm tăng áp đến các công trình trong dự án.

- Mạng lưới cấp nước bao gồm mạng lưới của lô I và mạng lưới cấp nước của lô J hoạt động độc lập với nhau. Thiết kế mạng vòng khép kín kết hợp mạng hở.

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy được thiết kế độc lập với hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất, có chức năng cấp nước chữa cháy cho trụ cứu hỏa, nước chữa cháy vách tường và nước chữa cháy vòi phun áp lực cao.

6.4. Quy hoạch thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được tính toán, thiết kế là thoát nước riêng với mạng lưới thoát nước mưa. Mạng lưới thoát nước thải của lô I và lô J được thiết kế hoạt động độc lập. Dự án thiết kế hai trạm xử lý cho từng lô.

- Trạm xử lý nước thải lô I công suất: $Q = 3000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Trạm xử lý nước thải lô J công suất : $Q = 4000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.
- Cống thoát nước thải tự chảy sử dụng ống cống HDPE đi ngầm dọc theo vỉa hè, sử dụng ống cống HDPE bọc ống thép tráng kẽm dưới lòng đường đường kính ống D300-D500; bố trí các hố ga dọc đường ống thoát nước để thuận tiện cho việc thu gom và quản lý vận hành.

6.5. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho các phụ tải dự án lấy từ lưới điện 22kV từ trạm điện 110kV Quang Châu (hiện có) và từ lưới điện 22kV từ trạm điện 110kV Quang Châu 3 (dự kiến xây dựng mới) gần khu vực dự án; cấp trung thế sử dụng cáp ngầm, chiều sâu chôn ống $\geq 0,7\text{m}$.
- Đường Cấp điện hạ thế đi trong ống nhựa xoắn HDPE được đi ngầm dưới lòng đường, vỉa hè; chiều sâu chôn ống $\geq 0,7\text{m}$.

6.6. Quy hoạch chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ lộ điện trong tủ phân phối hạ thế gần nhất cấp đến tủ điều khiển chiếu sáng bằng cáp ngầm 0,6/1kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC.
- Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột đèn bát giác, cao 9m; bóng đèn sử dụng đèn Led, công suất 100W.

6.7. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp thông tin liên lạc, viễn thông cho khu vực quy hoạch lấy từ mạng lưới chung của KCN Quang Châu.
- Mạng lưới thông tin liên lạc: Xây dựng các tuyến cáp thông tin trực chính và phân phối dọc các tuyến đường quy hoạch để cấp nguồn đến các nhà xưởng sản xuất, công trình phụ trợ.

Điều 2: Công ty TNHH Fukang Technology có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Trưởng các phòng thuộc Ban Quản lý các KCN Bắc Giang, Công ty TNHH Fukang Technology và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Như Long